TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HSST
Ngày 31/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hiển
2. Ông Nguyễn Văn Hiển

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 31/5/2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam;

Sinh năm 1999 tại huyện ĐH, tỉnh TB;

Nơi cư trú: Thôn S, xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông: Không xác định; Con bà: Vũ Thị N

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2023 đến ngày 19/01/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TB.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Văn C**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam;

Sinh năm1993 tại huyện ĐH, tỉnh TB;

Nơi cư trú: Thôn Q, xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông: Trần Văn T2; Con bà: Lê Thị L

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2023 đến ngày 19/01/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TB.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đào Duy T1**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam;

Sinh năm 1989 tại huyện ĐH, tỉnh TB;

Nơi cư trú: Thôn Q, xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông: Đào Xuân T3; Con bà: Đặng Thị K

Vợ: Nguyễn Thị Lâm O;

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2021;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Từ tháng 02/2009 đến tháng 7/2010 tham gia quân đội sau đó xuất ngũ trở về địa phương lao động tự do.

Bản án số 05/2014/HSST ngày 14/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt tiền 15.000.000 đồng về tội "Đánh bạc"; ngày 07/4/2014 thi hành xong hình phạt và án phí.

Bản án số 05/2023/HSST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử 01 năm 01 tháng tù giam về tội "Đánh bạc"; phạt bổ sung 10.000.000 đồng. Bị cáo kháng cáo, chưa xét xử phúc thẩm.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 17/01/2023 đến ngày 19/01/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện ĐH, tỉnh TB.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Chị Nguyễn Thị Lâm O, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Q, xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB

Bà Vũ Thị N, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn S, xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB

**** Người làm chứng:***

Anh Phạm Văn C1, sinh ngày 02/12/1998

Địa chỉ: Thôn H, xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB

**** Người chứng kiến:***

Ông Vũ Văn U, sinh năm 1962

Ông Phạm Văn T4, sinh năm 1985

Đều cùng địa chỉ: Thôn Q, xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB

(Tại phiên tòa có mặt bà N, chị O. Vắng mặt anh C1, ông U, ông T4)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 16/01/2023, tại khu vực thôn Q, xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB, tổ công tác Công an huyện ĐH tỉnh TB phát hiện Nguyễn Văn T đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 89C1-060.01 chở phía sau là Trần Văn C có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Tổ công tác đã mời người chứng kiến đến chứng kiến sự việc. Sau khi được nghe giải thích quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, C tự nguyện lấy từ túi áo bên trái đang mặc 01 túi nilon trong suốt có nắp cài nhựa viền màu đỏ, bên trong có chứa chất dạng tinh thể trong suốt để giao nộp cho tổ công tác. C và T cùng khai nhận đó là ma túy đá vừa mua được với giá 500.000 đồng để cùng sử dụng cho bản thân. Kiểm tra xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 89C1-060.01 do T điều khiển không phát hiện, thu giữ gì. Ngoài ra quản lý của C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, lắp sim số 0866.571.865; quản lý của T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng, lắp sim số 0584.004.891. Tổ công tác Công an huyện ĐH đưa C, T cùng vật chứng về trụ sở Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện ĐH để tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và quản lý, niêm phong vật chứng theo quy định.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, C và T cùng khai nhận ngoài C và T còn có Đào Duy T1 góp tiền đưa cho C và T để đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Đến ngày 17/01/2023, Đào Duy T1 đã đến Cơ quan Công an đầu thú, khai nhận đã góp tiền cùng C và T mua số ma túy trên và tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, lắp sim số 0989.478.862 để phục vụ điều tra.

Quá trình điều tra Trần Văn C, Nguyễn Văn T và Đào Duy T1 khai nhận như sau:

Do bản thân C, T và T1 là người sử dụng ma túy đá. Khoảng 18 giờ ngày 16/01/2023, khi T1 đang làm việc tại quán cắt tóc của T1 thì T đến gặp và hỏi: *"Có làm tí không?"*. T1 hiểu ý T muốn rủ góp tiền mua ma túy đá để cùng sử dụng nên nói: *"Giờ đang làm, chốc có gì gọi sau"*. Sau khi T ra về, đến khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, T1 nhắn tin qua ứng dụng Facebook trên điện thoại hẹn T đi ra khu vực ngã ba ông L1 thuộc địa phận thôn Q, xã TQ. T1 cũng nhắn tin cho C qua ứng dụng Messenger với nội dung rủ C mua ma túy đá. Đến

khoảng 20 giờ cùng ngày T và T1 đi đến ngã ba ông L1, gần nhà C. T1 sử dụng ứng dụng Messenger gọi cho C nói: *"Ra ngoài cổng đi, anh đang đứng ngoài"* rồi tắt máy. Trong lúc chờ C đến, T nói: *"Em có 100.000 đồng"*. T1 nói: *"Anh cũng có 100.000 đồng"* thì T nói: *"Anh vay được ai thì vay đi"*. Sau đó T1 đi bộ một đoạn thì gặp anh Phạm Văn T5, sinh năm 2000, trú tại thôn Q, xã TQ, huyện ĐH hỏi vay số tiền 200.000 đồng, nói là có việc riêng rồi quay lại chỗ T đứng đợi, đưa cho T số tiền 300.000 đồng, cộng với cả tiền của T là 400.000 đồng. Một lúc sau thì C đến, T1 bảo T đưa tiền cho C. C cầm tiền nói: *"400.000 đồng này không đủ, phải 500.000 đồng mới đủ"*. Nghe vậy T1 gọi điện thoại cho anh Phạm Văn C1 hỏi vay số tiền 100.000 đồng để lấy đồ thì anh C1 đồng ý. T1 bảo T và C đến gặp anh C1 để lấy tiền rồi đi mua ma túy. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 89C1-060.01 chở C đến gặp anh C1 lấy số tiền 100.000 đồng mà T1 đã hỏi vay rồi cả hai đi lên ngã tư TH thuộc địa phận xã MT, huyện ĐH. Khi đi đến khu vực đèn xanh đèn đỏ thì C bảo T đứng đợi còn C đi bộ khoảng 500mét về hướng xã G, huyện ĐH thì gặp và mua của một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ 01 gói ma túy đựng trong túi nilon trong suốt có nắp cài nhựa viền màu đỏ, bên trong có chứa chất dạng tinh thể trong suốt với giá 500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy C cất giấu gói ma túy vào túi áo bên trái đang mặc rồi quay lại chỗ T đứng đợi. Khi T chở C đi về đến thôn Q, xã TQ, huyện ĐH thì bị tổ công tác Công an huyện ĐH phát hiện, bắt quả tang, thu giữ gói ma túy trên và niêm phong theo quy định. Đối với Đào Duy T1 sau khi đợi khoảng 30 phút không thấy T và C quay lại thì đi đến nhà bạn chơi. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16/01/2023, T1 biết được việc T và C bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Đến 16 giờ ngày 17/01/2023, T1 đã đến Công an huyện ĐH đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản kết luận giám định số 86/KL-KTHS ngày 19/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TB, kết luận: *"Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng **0,2230** gam (không phẩy hai nghìn hai trăm ba mươi gam)".Methamphetamine STT: 247, Danh mục IIC phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ"*.

Bản Cáo trạng số 40/CT - VKSĐH ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn C, Đào Duy T1 về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn C và Đào Duy T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn T và Đào Duy T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Duy T1 từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa như:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Các biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Bản kết luận giám định số 86/KL-KTHS ngày 19/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TB; Các biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐH lập; Lời khai của người làm chứng anh Phạm Văn C1; Lời khai của người chứng kiến là ông Vũ Văn U và ông Phạm Văn T4.

Có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 16/01/2023, tại thôn Q, xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB. Các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn T

có hành vi tàng trữ trái phép trên người 01 gói Methamphetamine có khối lượng 0,2230 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân. Đến ngày 17/01/2023, Đào Duy T1 đã đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận đã góp số tiền 400.000 đồng đưa cho C và T để đi mua ma túy. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy. Là người sử dụng ma túy, các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và cộng đồng xã hội, nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, các bị cáo đã tàng trữ 0,2230 gam Methamphetamine để sử dụng. Vì vậy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, nhưng cũng cần đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo để lên mức án cho phù hợp với từng bị cáo. Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê đi mua ma túy, điều khiển xe chở C đi mua ma túy và góp tiền 100.000 đồng, T1 góp tiền và rủ C đi mua ma túy, C là người trực tiếp đi tìm mua ma túy đá để cùng nhau sử dụng nên xác định bị cáo T giữ vai trò thứ nhất, bị cáo T1 và bị cáo C giữ vai trò thứ hai và xử mức án ngang nhau.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy: Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 có thời gian tham gia quân đội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, phạm tội không có mục đích vụ lợi vì vậy không áp dụng

hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng:

- Số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu huỷ.

- Cơ quan điều tra quản lý 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, lắp sim số 0866.571.865 của bị cáo C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng, lắp sim số 0584.004.891 của bị cáo T. Các bị cáo sử dụng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 89C1-060.01 quản lý của bị cáo T là tài sản của bà Vũ Thị N (mẹ đẻ bị cáo T). Bà N không biết T đã sử dụng chiếc xe trên đi mua ma túy. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, kèm thẻ sim quản lý của bị cáo T1 là tài sản của chị Nguyễn Thị Lâm O (vợ bị cáo T1). Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại trên cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định pháp luật.

- Đối với các anh Phạm Văn T5 và anh Phạm Văn C1 là người đã cho bị cáo T1 mượn tiền. Quá trình điều tra xác định khi cho mượn tiền các anh không biết T1 sử dụng để mua ma túy nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về nguồn gốc ma túy và người bán ma túy:

- Về nguồn gốc ma tuý: Về số Methamphetamine, theo C khai mua của người đàn ông khoảng 50 tuổi, dáng người gầy không biết tên, địa chỉ ở khu vực ngã tư thuộc địa phận xã MT, huyện ĐH, tỉnh TB nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để điều tra, xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn C và Đào Duy T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Áp dụng:

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Duy T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 0,1838 gam Methamphetamine thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định được đựng trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 86/KL- KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TB.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, lắp sim số 0866.571.865 của bị cáo C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng, lắp sim số 0584.004.891 của bị cáo T.

(Được thể hiện chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2023 giữa Công an huyện ĐH và Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH)

4. **Về án phí**: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn T và Đào Duy T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- THADS huyện ĐH;
- Công an huyện ĐH;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Phạm Thị Lan Phương